

SỞ GD&ĐT THANH HÓA
TRƯỜNG THPT TRIỆU SƠN 4
ĐỀ THI THAM KHẢO

KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN THI: ĐỊA LÍ

(Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề)

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: (ID: 757777) Biện pháp chủ yếu thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm cây ăn quả nước ta là

- A. hoàn thiện mẫu mã, phát triển giao thông.
- B. mở rộng thị trường, đa dạng hóa cây trồng.
- C. nâng cao chất lượng, đẩy mạnh quảng bá.
- D. phát triển chế biến, xây dựng thương hiệu.

Câu 2: (ID: 757778) Dân cư nước ta hiện nay

- A. tập trung chủ yếu ở đồng bằng.
- B. gia tăng dân số tự nhiên rất cao.
- C. quy mô dân số có xu hướng giảm.
- D. phân bố đều khắp giữa các vùng.

Câu 3: (ID: 757779) Đất feralit ở nước ta có màu đỏ vàng chủ yếu do

- A. tích tụ ôxit sắt và ôxit nhôm.
- B. quá trình tích tụ mùn mạnh.
- C. quá trình phong hóa mạnh mẽ.
- D. rửa trôi các chất bazo dễ tan.

Câu 4: (ID: 757780) Khả năng mở rộng diện tích đất nông nghiệp ở đồng bằng không nhiều chủ yếu là do

- A. lịch sử khai thác lâu đời, đất bạc màu không thể cải tạo được.
- B. dân số đông, bình quân đất nông nghiệp theo đầu người thấp.
- C. đất chưa sử dụng còn ít, sức ép công nghiệp hóa và đô thị hóa.
- D. diện tích đất phù sa nhỏ, sức ép công nghiệp hóa và đô thị hóa.

Câu 5: (ID: 757781) Mục đích chính của việc hình thành và phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất ở nước ta là

- A. nhận sự hỗ trợ vốn đầu tư, chuyển giao công nghệ từ nhóm nước kinh tế phát triển.
- B. tạo mặt hàng xuất khẩu chủ lực thu ngoại tệ, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- C. thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài, tạo việc làm cho lực lượng lao động đông đảo.
- D. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu.

Câu 6: (ID: 757782) Sản lượng thủy sản khai thác có tốc độ tăng chậm hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng chủ yếu là do

- A. gặp khó khăn về phương tiện, nguồn lợi hải sản ven bờ suy giảm, thiên tai.
- B. thị trường tiêu thụ nhỏ, có ít tiềm năng để đánh bắt thủy sản ở ngoài khơi.
- C. điện kiện tự nhiên không thích hợp cho đánh bắt, ngư dân ít kinh nghiệm.
- D. vốn đầu tư ít, điều kiện tự nhiên không thuận lợi, bão thường xuyên xảy ra.

Câu 7: (ID: 757783) Đô thị nước ta hiện nay có sự chuyển dịch cơ cấu lao động rõ rệt chủ yếu do

- A.** tập trung nhiều khu công nghiệp, tăng cường sự liên kết, hợp tác quốc tế.
- B.** tập trung nhiều lao động, hấp dẫn đầu tư, nhu cầu tìm việc làm dễ dàng.
- C.** ngành nghề đa dạng, cơ sở hạ tầng tốt, thu hút lao động chất lượng cao.
- D.** công nghiệp phát triển, đô thị hóa mở rộng, thu hút nhiều loại vốn đầu tư.

Câu 8: (ID: 757784) Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế nước ta hiện nay

- A.** tương ứng với quá trình hiện đại hóa.
- B.** hình thành nên các khu kinh tế cửa khẩu.
- C.** chỉ tập trung phát triển khu vực dịch vụ.
- D.** làm giảm tỉ trọng của khu vực Nhà nước.

Câu 9: (ID: 757785) Yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp của nước ta hiện nay là

- A.** vị trí địa lý, thị trường tiêu thụ.
- B.** sự đồng bộ của các điều kiện.
- C.** nguồn nhân lực trình độ cao.
- D.** nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Câu 10: (ID: 757786) Nước ta khuyến khích phát triển thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chủ yếu nhằm

- A.** tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.
- B.** mở rộng thị trường sang các nước kinh tế phát triển hơn.
- C.** tăng cường chuyển giao dây chuyền công nghệ hiện đại.
- D.** giải quyết khó khăn về nguồn vốn, khoa học kỹ thuật.

Câu 11: (ID: 757787) Sản lượng công nghiệp khai thác than ở nước ta tăng nhanh trong vài năm trở lại đây là do

- A.** mở rộng thị trường tiêu thụ và đầu tư trang thiết bị khai thác hiện đại.
- B.** thu hút được nguồn vốn đầu tư nước ngoài lớn và đầu tư trang thiết bị.
- C.** phát triển mạnh các nhà máy nhiệt điện và mở rộng thị trường tiêu thụ.
- D.** chính sách phát triển công nghiệp của Nhà nước và mở rộng thị trường.

Câu 12: (ID: 757788) Sử dụng than trong sản xuất nhiệt điện ở nước ta gây ra vấn đề môi trường chủ yếu nào sau đây?

- A.** Phá hủy tầng đất mặt.
- B.** Ô nhiễm nguồn nước.
- C.** Ô nhiễm không khí.
- D.** Cạn kiệt khoáng sản.

Câu 13: (ID: 757789) Mạng lưới đô thị nước ta hiện nay

- A.** phát triển mạnh ở vùng đồi núi.
- B.** sắp xếp theo các cấp khác nhau.
- C.** có rất nhiều thành phố cực lớn.
- D.** phân bố đều khắp ở trong nước.

Câu 14: (ID: 757790) Nước ta nằm khu vực hoạt động của các khối khí theo mùa nên có

- A.** cân bằng ẩm đạt giá trị dương.
- B.** nhiệt độ trung bình năm thấp.
- C.** chế độ mưa thay đổi theo mùa.
- D.** thực vật xanh tốt quanh năm.

Câu 15: (ID: 757791) Ngành chăn nuôi chiếm tỉ trọng còn thấp trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp nước ta, chủ yếu là do

A. các điều kiện phát triển còn nhiều hạn chế.

B. nhu cầu thị trường còn thấp và biến động.

C. sản phẩm chưa đáp ứng được yêu cầu.

D. hiệu quả chưa thật cao và chưa ổn định.

Câu 16: (ID: 757792) Đặc điểm thiên nhiên nổi bật của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ nước ta là

A. địa hình cao, các dãy núi xen kẽ thung lũng sông hướng tây - đông.

B. gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh, mùa đông lạnh nhất ở nước ta.

C. địa hình có các sơn nguyên bóc mòn và các cao nguyên badan.

D. khí hậu cận xích đạo gió mùa với nền nhiệt độ cao quanh năm.

Câu 17: (ID: 757793) Vùng có mật độ dân số cao nhất nước ta là

A. Duyên hải Nam Trung Bộ.

B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Đồng bằng sông Cửu Long.

D. Đông Nam Bộ.

Câu 18: (ID: 757794) Đặc điểm nào sau đây đúng với vùng nông nghiệp Tây Nguyên?

A. Địa hình chủ yếu là đồi núi và khí hậu có mùa đông lạnh.

B. Trồng và phát triển cây công nghiệp lâu năm ưa nhiệt.

C. Có các cơ sở công nghiệp chế biến nông sản hiện đại.

D. Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: (ID: 757795) Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á NĂM 2021

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Cam-pu-chia	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin
Dân số (triệu người)	271,7	15,5	32,8	109,6
Dân thành thị (%)	56,7	23,8	76,6	47,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

a) Dân số và tỉ lệ dân thành thị của In-đô-nê-xi-a cao nhất trong 4 quốc gia.

b) Năm 2021, Ma-lai-xi-a là quốc gia có số dân nông thôn ít nhất so với các nước.

c) Tỉ lệ dân thành thị của Ma-lai-xi-a cao nhất do quá trình đô thị hóa mạnh.

d) Để thể hiện dân số và tỉ lệ dân thành thị các nước, biểu đồ đường thích hợp nhất.

Câu 2: (ID: 757796) Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ Ở NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2021

Năm	2010	2021
Khu vực kinh tế Nhà nước	636,5	846,7
Khu vực kinh tế ngoài Nhà nước	843,6	4 481,2
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	1 565,5	7 698,8
Tổng	3 045,6	13 026,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)

a) Tỉ trọng khu vực kinh tế Nhà nước và ngoài Nhà nước tăng.

- b)** Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có tốc độ tăng chậm hơn khu vực ngoài Nhà nước.
- c)** Khu vực ngoài Nhà nước giữ vai trò chủ yếu do chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp.
- d)** Để thể hiện quy mô và cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp theo thành phần kinh tế, biểu đồ miền thích hợp nhất.

Câu 3: (ID: 757803) Cho thông tin sau:

Năm 2023, sản lượng lương thực có hạt đạt 47,9 triệu tấn, tăng 0,8 triệu tấn so với năm trước, trong đó sản lượng lúa đạt 43,5 triệu tấn tăng 795 nghìn tấn. Lúa đông xuân sản lượng đạt 20,2 triệu tấn; lúa hè thu sản lượng đạt 11 triệu tấn; lúa thu đông sản lượng đạt 4 triệu tấn; lúa mùa sản lượng ước đạt 8,23 triệu tấn. Sản lượng lương thực nói chung và sản lượng lúa nói riêng tăng so với năm trước đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiêu dùng trong nước, đảm bảo an ninh lương thực, phục vụ chế biến và xuất khẩu. Sản xuất lúa được thực hiện từ phát triển chiều rộng sang phát triển chiều sâu theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, bền vững như đưa vào sản xuất các giống lúa chịu mặn cho vùng ven biển; ứng dụng quy trình sản xuất "1 phải 5 giảm" nhằm tiết kiệm vật tư đầu vào, giảm phát thải khí nhà kính và tăng thu nhập cho nông dân.

(Nguồn: <https://www.gso.gov.vn>)

- a)** Lúa là cây trồng chính trong sản xuất lương thực.
- b)** Sản lượng lúa thu đông chiếm tỉ trọng cao nhất.
- c)** Nhân tố chủ yếu dẫn đến sự phân hóa mùa vụ của nền nông nghiệp nước ta là khí hậu.
- d)** Năng suất và sản lượng lúa tăng do nước ta đẩy mạnh thâm canh và chuyên môn hóa.

Câu 4: (ID: 757804) Cho thông tin sau:

Điểm nổi bật nữa của chế độ mưa ở nước ta là mưa theo mùa, do gió mùa mùa đông khô, tương phản với gió mùa mùa hạ ẩm. Mùa khô mưa ít, có tháng không mưa giọt nào, còn mùa mưa thì chiếm đến 80 -85% lượng mưa năm và tháng mưa ít nhất cũng phải từ 100 mm trở lên, còn tháng mưa nhiều nhất thì có thể tới 300 - 600 mm. Trên cả nước mùa mưa và mùa khô trong các vùng không khớp hoàn toàn.

- a)** Khí hậu nước ta phân thành hai mùa mưa, khô rõ rệt nhưng khác biệt giữa các vùng.
- b)** Mùa mưa ở Bắc Bộ và Nam Bộ vào mùa hè, còn ở miền Trung là vào thu đông.
- c)** Mùa mưa ở Trung Bộ vào thu đông do tác động của gió đông bắc và gió TBg.
- d)** Nam Bộ có mùa khô sâu sắc hơn Bắc Bộ do tác động của vị trí, gió mùa Tây Nam.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: (ID: 757805) Cho bảng số liệu (Đơn vị: tỉ đồng).

GDP CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2020

Năm	2010	2015	2018	2020
GDP				
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	421 253	489 989	535 022	565 987
Công nghiệp, xây dựng	904 775	1 778 887	2 561 274	2 955 806
Dịch vụ	1 113 126	2 190 376	2 955 777	3 365 060
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	300 689	470 631	629 411	705 470

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)

GDP của nước ta năm 2020 tăng gấp bao nhiêu lần so với năm 2010? (Kết quả làm tròn đến số thập phân thứ hai của lần)

Câu 2: (ID: 757807) Cho bảng số liệu (Đơn vị: %):

Cơ cấu dân số phân theo nhóm tuổi ở nước ta giai đoạn 1999 – 2021.

Năm	1999	2009	2019	2021
0 – 14 tuổi	33,1	24,5	24,3	24,1
15 – 64 tuổi	61,1	69,1	68,0	67,6
Từ 65 tuổi trở lên	5,8	6,4	7,7	8,3

Hãy cho biết, số dân trong nhóm 15 – 64 tuổi năm 2021 của nước ta là bao nhiêu triệu người. Biết tổng dân số năm 2021 là 98,5 triệu người. (Làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của triệu người)

Câu 3: (ID: 757814) Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng tại Huế năm 2022

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	95,6	70,8	128,3	381	157,3	33,8	61,3	157,5	448,8	1366,5	226,4	786,6

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2023, NXB Thống kê Việt Nam, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng lượng mưa của Huế năm 2022 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm).

Câu 4: (ID: 757815) Quy mô dân số nước ta năm 2021 là 98 504,4 nghìn người, trong đó dân thành thị là 36 563,3 nghìn người. Vậy tỉ lệ dân nông thôn năm 2021 của nước ta là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %).

Câu 5: (ID: 757816) Dựa vào bảng số liệu sau:

GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ Ở NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2021

(Đơn vị: nghìn tỉ đồng)

Năm	2010	2021
Ngành công nghiệp		
Khu vực kinh tế Nhà nước	636,5	846,7
Khu vực kinh tế ngoài Nhà nước	843,6	4 481,2
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	1 565,5	7 698,8
Tổng	3 045,6	13 026,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)

Tỉ trọng giá trị sản xuất của khu vực kinh tế Nhà nước năm 2021 chiếm bao nhiêu % trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp ? (Kết quả làm tròn đến số thập phân thứ nhất của %)

Câu 6: (ID: 757817) Cho bảng số liệu:

**SẢN LƯỢNG THỦY SẢN KHAI THÁC VÀ NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA,
GIAI ĐOẠN 2010 – 2021**

(Đơn vị: Nghìn tấn)

Năm	2010	2015	2021
Khai thác	2 414,4	3 049,9	3 863,7
Nuôi trồng	2 728,3	3532,2	4 633,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, cho biết sản lượng thủy sản nuôi trồng năm 2021 chiếm bao nhiêu % so với tổng sản lượng thủy sản của nước ta? (Làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của %)

---- HẾT ----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.D	2.A	3.A	4.C	5.C	6.A	7.D	8.B	9.B	10.D
11.A	12.C	13.B	14.C	15.D	16.B	17.B	18.B		

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào những hạn chế lớn nhất trong ngành trồng cây ăn quả ở nước ta từ đó đưa ra các biện pháp chủ yếu.

Cách giải:

Biện pháp chủ yếu thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm cây ăn quả nước ta là phát triển chế biến, xây dựng thương hiệu. Khâu chế biến sản phẩm cây ăn quả ở nước ta còn hạn chế nên cần phát triển chế biến để nâng cao giá trị nông sản, đa dạng hóa sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường. Bên cạnh đó, cần xây dựng thương hiệu để tạo sự tin cậy, nâng cao giá trị sản phẩm, mở rộng thị trường và phát triển bền vững.

Chọn D.

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm về sự phân bố dân cư của nước ta.

Cách giải:

Dân cư nước ta hiện nay tập trung chủ yếu ở đồng bằng.

Chọn A.

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (đất) của nước ta.

Cách giải:

Đất feralit ở nước ta có màu đỏ vàng chủ yếu do tích tụ ôxit sắt và ôxit nhôm.

Chọn A.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, liên hệ thực tế.

Cách giải:

Khả năng mở rộng diện tích đất nông nghiệp ở đồng bằng không nhiều chủ yếu là do đất chưa sử dụng còn ít, sức ép công nghiệp hóa và đô thị hóa.

- Đất chưa sử dụng còn ít: Ở các đồng bằng, đặc biệt là đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long, đất đai đã được khai thác và sử dụng từ lâu đời. Diện tích đất chưa sử dụng hoặc đất còn hoang hóa không còn nhiều.

- Sức ép công nghiệp hóa và đô thị hóa: Quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa ngày càng diễn ra mạnh mẽ, đặc biệt là ở các vùng đồng bằng. Đất nông nghiệp bị thu hẹp để xây dựng các khu công nghiệp, khu đô thị, cơ sở hạ tầng,...

Chọn C.

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm các khu công nghiệp, khu chế xuất; liên hệ mục đích chính của các tổ chức lãnh thổ công nghiệp.

Cách giải:

Mục đích chính của việc hình thành và phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất ở nước ta là thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài, tạo việc làm cho lực lượng lao động đông đảo.

- Thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài (FDI): Các KCN, KCX tạo ra môi trường đầu tư thuận lợi, với cơ sở hạ tầng đồng bộ, chính sách ưu đãi về thuế, đất đai,... để thu hút vốn đầu tư từ các doanh nghiệp nước ngoài. Nguồn vốn FDI này có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất.

- Tạo việc làm cho lực lượng lao động đông đảo: Các KCN, KCX tập trung nhiều doanh nghiệp, tạo ra hàng triệu việc làm cho người lao động, góp phần giải quyết vấn đề thất nghiệp, nâng cao thu nhập cho người dân.

Chọn C.

Câu 6 (TH):

Phương pháp:

Dùng phương pháp loại trừ, dựa vào đặc điểm các điều kiện ảnh hưởng đến ngành khai thác thủy sản.

Cách giải:

Sản lượng thủy sản khai thác có tốc độ tăng chậm hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng chủ yếu là do gặp khó khăn về phương tiện, nguồn lợi hải sản ven bờ suy giảm, thiên tai.

B sai vì nước ta có nhiều tiềm năng để đánh bắt thủy sản ở ngoài khơi.

C, D sai vì điều kiện tự nhiên của nước ta thích hợp cho đánh bắt (do nằm trong vùng nhiệt đới), ngư dân có nhiều kinh nghiệm.

Chọn A.

Câu 7 (VD):

Phương pháp:

Phân tích, dựa vào những nguyên nhân chủ yếu giúp các đô thị nước ta hiện nay có sự chuyển dịch cơ cấu lao động rõ rệt theo hướng giảm tỉ trọng lao động trong ngành nông nghiệp, tăng tỉ trọng lao động trong ngành công nghiệp và dịch vụ.

Cách giải:

Đô thị nước ta hiện nay có sự chuyển dịch cơ cấu lao động rõ rệt chủ yếu do công nghiệp phát triển, đô thị hóa mở rộng, thu hút nhiều loại vốn đầu tư.

- Công nghiệp phát triển: Sự phát triển của các ngành công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến, chế tạo, đã tạo ra nhiều việc làm mới trong các khu công nghiệp, khu chế xuất. Điều này thu hút một lượng lớn lao động từ khu vực nông thôn và các vùng khác đến làm việc.

- Đô thị hóa mở rộng: Quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng, mở rộng không gian đô thị và hình thành các khu đô thị mới. Điều này kéo theo sự phát triển của các ngành dịch vụ, thương mại, xây dựng,... tạo ra nhu cầu lớn về lao động trong các lĩnh vực này.

- Thu hút nhiều loại vốn đầu tư: Việc thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước đã thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp, mở rộng quy mô sản xuất và kinh doanh. Điều này tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người lao động, đồng thời làm thay đổi cơ cấu lao động theo hướng tăng tỷ trọng lao động trong các ngành công nghiệp và dịch vụ.

Chọn D.

Câu 8 (TH):

Phương pháp:

Gạch chân từ khóa: lãnh thổ.

Dựa vào đặc điểm vị trí địa lí của nước ta.

Cách giải:

Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế nước ta hiện nay hình thành nên các khu kinh tế cửa khẩu.

A, C sai vì đó là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành.

D sai vì đó là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần.

Chọn B.

Câu 9 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào các điều kiện ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp của nước ta.

Cách giải:

Yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp của nước ta hiện nay là sự đồng bộ của các điều kiện, gồm các điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội.

Chọn B.

Câu 10 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào vai trò của thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Cách giải:

Nước ta khuyến khích phát triển thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chủ yếu nhằm giải quyết khó khăn về nguồn vốn, khoa học kỹ thuật.

A sai vì thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có tác động tới việc làm của người lao động, tuy nhiên đây không phải là tác động chủ yếu và trực tiếp.

B sai vì mở rộng thị trường sang các nước kinh tế phát triển hơn do chính sách của nhà nước.

C sai vì tăng cường chuyển giao dây chuyền công nghệ hiện đại nằm trong ý d (khoa học kỹ thuật).

Chọn D.

Câu 11 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào ngành công nghiệp khai thác than và liên hệ.

Cách giải:

Sản lượng công nghiệp khai thác than ở nước ta tăng nhanh trong vài năm trở lại đây là do mở rộng thị trường tiêu thụ và đầu tư trang thiết bị khai thác hiện đại.

- Mở rộng thị trường tiêu thụ: Thị trường tiêu thụ than trong nước và quốc tế ngày càng được mở rộng. Than không chỉ được sử dụng cho các nhà máy nhiệt điện mà còn được sử dụng trong nhiều ngành công nghiệp khác. Nhu cầu than tăng cao từ nhiều phía đã thúc đẩy các doanh nghiệp khai thác than tăng cường sản xuất.

- Đầu tư trang thiết bị hiện đại: việc thăm dò, khai thác than trên quy mô lớn cần các trang thiết bị hiện đại.

Chọn A.

Câu 12 (TH):

Phương pháp:

Gạch chân từ khóa: môi trường.

Dựa vào ngành công nghiệp khai thác than.

Cách giải:

Sử dụng than trong sản xuất nhiệt điện ở nước ta gây ra vấn đề ô nhiễm không khí.

Chọn C.

Câu 13 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm đô thị hóa nước ta hiện nay.

Cách giải:

Mạng lưới đô thị nước ta hiện nay sắp xếp theo các cấp khác nhau.

Chọn B.

Câu 14 (NB):

Phương pháp:

Gạch chân từ khóa: khối khí theo mùa.

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (phần gió mùa).

Cách giải:

Nước ta nằm khu vực hoạt động của các khối khí theo mùa nên có chế độ mưa thay đổi theo mùa.

Chọn C.

Câu 15 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành nông nghiệp nước ta (phần ngành chăn nuôi).

Cách giải:

Ngành chăn nuôi chiếm tỉ trọng còn thấp trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp nước ta, chủ yếu là do hiệu quả chưa thật cao và chưa ổn định. Trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp, ngành nào có giá trị sản xuất cao hơn thì tỉ trọng cơ hơn, trong đó hiệu quả sản xuất ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị sản xuất.

Chọn D.

Câu 16 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm nổi bật của các miền tự nhiên nước ta.

Cách giải:

Đặc điểm thiên nhiên nổi bật của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ nước ta là gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh, mùa đông lạnh nhất ở nước ta.

Chọn B.

Câu 17 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm phân bố dân cư ở nước ta.

Cách giải:

Vùng có mật độ dân số cao nhất nước ta là Đồng bằng sông Hồng.

Chọn B.

Câu 18 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm vị trí địa lí của nước ta.

Cách giải:

Trồng và phát triển cây công nghiệp lâu năm ưa nhiệt là đặc điểm đúng với vùng nông nghiệp Tây Nguyên.

A sai vì Tây Nguyên không có mùa đông.

C sai vì Tây Nguyên không phải là vùng có vốn lớn, khoa học kĩ thuật còn hạn chế.

D sai vì nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn không phải là thế mạnh của vùng.

Chọn B.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	SĐĐS	SĐSS	ĐSĐĐ	ĐĐSS

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

- a) Dựa vào bảng số liệu.
- b) Tính số dân nông thôn của từng quốc gia và so sánh.
- c) Dựa vào mối quan hệ giữa đô thị hóa và tỉ lệ dân thành thị.
- d) Dựa vào dấu hiệu nhận dạng biểu đồ.

Cách giải:

a) Sai vì tỉ lệ dân thành thị của In-đô-nê-xi-a thấp hơn Ma-lai-xi-a.

b) Đúng vì:

- In-đô-nê-xi-a có tỉ lệ dân nông thôn là: $100 - 56,7 = 43,3\% \Rightarrow$ Số dân nông thôn của quốc gia này là: $(43,3 \cdot 271,7) / 100 = 117,6$ triệu người.

Tính tương tự, ta được số dân của Cam-pu-chia, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin lần lượt là: 11,8 triệu người; 7,7 triệu người; 58,0 triệu người.

$\Rightarrow$ Năm 2021, Ma-lai-xi-a là quốc gia có số dân nông thôn ít nhất so với các nước.

c) Đúng, đô thị hóa ảnh hưởng trực tiếp đến tỉ lệ dân thành thị.

d) Sai vì số dân và tỉ lệ dân thành thị có đơn vị khác nhau $\Rightarrow$ Để thể hiện dân số và tỉ lệ dân thành thị các nước, biểu đồ kết hợp thích hợp nhất.

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

a) Dựa vào công thức tính:

Tỉ trọng = (Giá trị thành phần / Tổng giá trị) $\cdot$ 100

b) Tính tốc độ tăng khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và khu vực ngoài Nhà nước và so sánh. Lưu ý: dùng phép chia.

c) Dựa vào giá trị sản xuất công nghiệp của từng thành phần kinh tế của nước ta năm 2010 và năm 2021.

d) Dựa vào dấu hiệu nhận dạng biểu đồ dựa vào từ khóa: quy mô và cơ cấu.

Cách giải:

- a) Sai vì tỉ trọng khu vực kinh tế ngoài Nhà nước năm 2010 và năm 2021 lần lượt là 27,7% và 34,4%.
- b) Đúng vì khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng gấp 4,9 lần; khu vực ngoài Nhà nước tăng gấp 5,3 lần $\Rightarrow$ Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có tốc độ tăng chậm hơn khu vực ngoài Nhà nước.
- c) Sai vì khu vực có vốn đầu tư nước ngoài mới là thành phần kinh tế chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp.
- d) Sai vì để thể hiện quy mô và cơ cấu thì biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất.

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

- a) Dựa vào đoạn thông tin hoặc đặc điểm ngành sản xuất lương thực ở nước ta.
- b) Dựa vào sản lượng lúa đông xuân, hè thu, thu đông.
- c) Dựa vào sự ảnh hưởng của khí hậu đến sản xuất nông nghiệp.
- d) Cần hiểu rõ bản chất của thâm canh và chuyên môn hóa.

Cách giải:

- a) Đúng vì: “Năm 2023, sản lượng lương thực có hạt đạt 47,9 triệu tấn, trong đó sản lượng lúa đạt 43,5 triệu tấn”
- b) Sai vì sản lượng lúa thu đông đạt 4 triệu tấn, thấp nhất so với lúa đông xuân và lúa hè thu $\Rightarrow$ Sản lượng lúa thu đông chiếm tỉ trọng thấp nhất.
- c) Đúng vì sự phân hóa khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến sự phân hóa mùa vụ.
- d) Đúng vì thâm canh là áp dụng công nghệ, khoa học kĩ thuật vào sản xuất, chuyên môn hóa là hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp, trong đó người nông dân hoặc các đơn vị sản xuất tập trung vào trồng một hoặc một nhóm cây trồng nhất định, có thể mạnh và phù hợp với điều kiện sinh thái của vùng. Đây chính là 2 nguyên nhân chính giúp năng suất và sản lượng lúa tăng.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

- a) Dựa vào đoạn thông tin.
- b) Dựa vào đặc điểm khí hậu ở nước ta.
- c, d) Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (phân gió mùa).

Cách giải:

- a) Đúng vì: “Trên cả nước mùa mưa và mùa khô trong các vùng không khớp hoàn toàn.”
- b) Đúng, mùa mưa ở Bắc Bộ và Nam Bộ vào mùa hè (từ tháng 5 đến tháng 10), còn ở miền Trung là vào thu đông (từ tháng 9 – tháng 12).
- c) Sai vì gió TBg là gió tây nam xuất phát từ vịnh Ben-gan gây khô nóng cho ven biển Trung Bộ.
- d) Sai vì gió mùa Tây Nam gây mưa cho cả nước, không phải là nguyên nhân gây ra mùa khô.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	2,77	66,6	3914	62,9	6,5	54,5

Câu 1 (TH):

Phương pháp:

- Tính tổng GDP năm 2010 và năm 2020.
- Lấy GDP năm 2020 chia GDP năm 2010.

Cách giải:

So với năm 2010, GDP của nước ta năm 2020 tăng gấp:

$$(565\,987 + 2\,955\,806 + 3\,365\,060 + 705\,470) : (421\,253 + 904\,775 + 1\,113\,126 + 300\,689) = 2,77 \text{ lần}$$

Đáp án: 2,77

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức:

$$\text{Giá trị thành phần} = (\text{Tỉ lệ \% giá trị thành phần} \times \text{Tổng}) / 100$$

Cách giải:

Số dân trong nhóm 15 – 64 tuổi năm 2021 của nước ta là:

$$(67,6 \times 98,5) / 100 = 66,6 \text{ triệu người.}$$

Đáp án: 66,6

Câu 3 (TH):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức:

$$\text{Tổng lượng mưa} = \text{lượng mưa tháng 1} + \text{lượng mưa tháng 2} + \dots + \text{lượng mưa tháng 12}$$

Cách giải:

$$\text{Tổng lượng mưa của Huế năm 2022 là: } 95,6 + 70,8 + 128,3 + \dots + 786,6 = 3914 \text{ mm}$$

Đáp án: 3914

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Tính số dân nông thôn sau đó tính tỉ lệ dân nông thôn dựa vào công thức:

$$\text{Tỉ trọng} = (\text{Giá trị thành phần} / \text{Tổng giá trị}) \times 100$$

Cách giải:

$$\text{Số dân nông thôn của nước ta năm 2021 là: } 98\,504,4 - 36\,563,3 = 61\,941,1 \text{ nghìn người.}$$

Tỉ lệ dân nông thôn năm 2021 của nước ta là:

$$(61\,941,1/98\,504,4)*100 = 62,9\%$$

Đáp án: 62,9

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức:

$$\text{Tỉ trọng} = (\text{Giá trị thành phần}/\text{Tổng giá trị})*100$$

Cách giải:

Tỉ trọng giá trị sản xuất của khu vực kinh tế Nhà nước năm 2021 chiếm:

$$(846,7/13\,026,8)*100 = 6,5\%$$

Đáp án: 6,5

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức:

$$\text{Tỉ trọng} = (\text{Giá trị thành phần}/\text{Tổng giá trị})*100$$

Cách giải:

Sản lượng thủy sản nuôi trồng năm 2021 chiếm:

$$[4\,633,5 / (3\,863,7 + 4\,633,5)] = 54,5\%$$

Đáp án: 54,5